

Số: 14/2024/QĐST-DS

Y, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Ông Mai Minh Thuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 14/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà **Tân Thị S**; sinh năm: 1968; dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; số CCCD: 002168004070 do **Cục C** –BCA cấp ngày 16/8/2021; nơi cư trú: **Thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/9/2024).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu:** Bà **Nguyễn Thị H** – Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H**. Có mặt.

- **Người bị yêu cầu:** Chị **Vừ Thị V**; sinh năm: 1997; dân tộc: Mông; nơi cư trú: **Thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 27/3/2024, bản tự khai ngày 19/4/2024, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/9/2024 người yêu cầu bà **Tân Thị S** trình bày: Tôi là bà nội và là người giám hộ của cháu **Chảo Tờ V1**, sinh ngày 05/9/2013 và **Chảo Tân T**, sinh ngày 12/6/2016. Anh **Chảo Lão T1**, sinh năm 1989 và chị **Vừ Thị V**, sinh năm 1997 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại **thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang** từ tháng 11 năm

2012, quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu **Chảo Tờ V1** và **Chảo Tân T**. Tháng 05 năm 2017 anh **T1** và chị **V** tự ý bỏ nhà đi biệt tích. Sau khi anh **T1** và chị **V** bỏ đi bà **S** đã cùng gia đình hai bên báo cáo chính quyền địa phương để tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về hai anh chị, hai cháu **V1** và **T** do bà **S** chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà **S** đề nghị Tòa án nhân **huyện Y** tuyên bố chị **Vũ Thị V** mất tích để hai cháu **V1** và **T** được hưởng chế độ trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Nguyễn Thị H** có ý kiến căn cứ vào các quy định của pháp luật đề nghị Tòa án nhân dân huyện **Y** chấp nhận yêu cầu của bà **Tân Thị S** tuyên bố chị **Vũ Thị V**, sinh năm 1997, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang** phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ việc theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án đã yêu cầu đương sự và đã thu thập tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và niêm yết công khai đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, việc giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện **Y** là đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 361, khoản 2, khoản 3 Điều 367, các Điều 369, 370, 371, 372, 387, 388 và 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện **Y** chấp nhận yêu cầu của bà **Tân Thị S** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu tuyên bố chị **Vũ Thị V**, sinh năm 1997, nơi cư trú cuối cùng **thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích. Về lệ phí giải quyết việc dân sự miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự cho bà **Tân Thị S**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang** nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Vũ Thị V**, sinh năm 1997; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang** nên đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà **Tân Thị S** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ việc, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người yêu cầu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu chấp hành tốt các quyết định của Tòa án và người yêu cầu có đơn xin giải quyết vắng mặt, người bị yêu cầu được Tòa án tổng đạt văn bản theo quy định vắng mặt, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng giải quyết việc dân sự quyết định tiến hành giải quyết vắng mặt người yêu cầu bà **Tần Thị S** và người bị yêu cầu chị **Vừ Thị V**.

[3] Về yêu cầu tuyên bố một người mất tích: Anh **Chảo Lão T1** và chị **Vừ Thị V** chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn từ tháng 11 năm 2012. Tháng 5 năm 2017 anh **T1** và chị **V** tự ý bỏ nhà đi biệt tích để lại hai con chung của anh chị là cháu **Chảo Tờ V1** và **Chảo Tân T** cho bà **Tần Thị S** là bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi anh **T1** và chị **V** bỏ đi, bà **S** đã cùng gia đình hai bên báo cáo chính quyền địa phương tìm kiếm anh **T1** và chị **V** nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về hai anh chị hiện nay ở đâu. Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang** xác nhận chị **Vừ Thị V** vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 5 năm 2017 đến nay không có tin tức, không rõ chị **V** đang làm gì, ở đâu.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của bà **Tần Thị S**, Tòa án nhân dân huyện **Y** ra Quyết định và Thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số: 08/2024/QĐ-TA ngày 19/4/2024 đối với chị **Vừ Thị V** và niêm yết tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang**; trụ sở **UBND xã H** và trụ sở nhà văn hóa **thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang**; đồng thời đã được thông báo trên **báo C1** 03 số liên tiếp là số 40, 41 và 42 ra các ngày 17, 22, 24/5/2024; được phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 ngày liên tiếp vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 15, 16, 17/5/2024; ngoài ra Quyết định và Thông báo đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân. Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên, Tòa án và gia đình vẫn không nhận được tin tức xác thực về việc chị **Vừ Thị V** còn sống hay đã chết. Bà **Tần Thị S** là người giám hộ của hai cháu **Chảo Tờ V1** và **Chảo Tân T** là con chung của anh **Chảo Lão T1** và chị **Vừ Thị V** do vậy, yêu cầu của bà **Tần Thị S** về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị **Vừ Thị V**, sinh năm 1997 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự và các Điều 387, 388 và 389 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5] Về con của người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Bà **Tần Thị S** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng giải quyết việc dân sự không xem xét giải quyết.

[6] Về quản lý tài sản của người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Bà **Tần Thị S** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng giải quyết việc dân sự không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Tần Thị S** là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bà **S** có

đơn xin miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là phù hợp đúng quy định tại khoản 2 Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 369, 370, 371, 372, 387, 388 và 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà **Tân Thị S**: Tuyên bố chi **Vừ Thị V**; sinh năm 1997; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn S, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho bà **Tân Thị S**.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Y có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người yêu cầu, người bị yêu cầu vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y
- Chi cục THADS huyện Y;
- Người yêu cầu; Người bị yêu cầu;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu;
- UBND xã H, H Y;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP



Đoàn Ngọc Vĩnh